

ẤU NHÃN THUỐC

- Mẫu nhãn vĩ 15 viên nén
- Nội dung và màu sắc như mẫu
- Kích thước vĩ: 85 x 57 mm
- Khổ nhôm: 200mm

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 12/6/2014

28/145 lb



200 mm

lb

KT. GIÁM ĐỐC

P. Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Trúc

Nguyễn Thị Thanh Trúc

KT. GIÁM ĐỐC
P. Giám đốc

SDK :
Số lô SX:
Ngày SX:
HD:


Sản xuất tại
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐÔNG NAM
221B-Phạm Văn Thuận-P. Tân Tiến-
TP. Biên Hòa-T. Đồng Nai-Việt Nam
ĐT: 0613. 823107 Fax: 0613. 821608

ĐỀ XẤ TẦM TAY CỦA TRẺ EM
ĐƯỢC KỶ HƯỞNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
CÁC THÔNG TIN KHÁC XEM TỚI HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO

Clorpheniramin 4mg

Clorpheniramin maleat 4mg

Chai 200 viên nén



CÔNG THỨC

Cooperación en materia de 41

Ta duc via de l'informa-
cion

CHỖNG CHỈ

[illegible]

THUỐC DÙNG CHO BỆNH VIỆN

2. Mẫu nhân chai 200 viên :
- Nội dung và màu sắc : Như mẫu.
- Kích thước: 132 x 64 mm

2. Mẫu nhãn chai 200 viên :

SDK :
Số 10 SX
Ngày SX
HD:


Sân xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐÔNG NAM
2218-Phạm Văn Thuận-P. Tân Tiến-
TP. Biên Hòa-Đồng Nai-Việt Nam
ĐT: 06-3823107 FAX: 06-3821608

ĐỀ XÃ TÂY CỬA THE EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
MÀNG TIN KHÁC XEM TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO

Clorpheniramin 4mg
Clorpheniramin maleat 4mg
Chai 100 viên nén



Copyright for number 4 in

Editorial 101
 102 **Editorial** 103
 104 **Editorial** 105
 106 **Editorial** 107
 108 **Editorial** 109
 110 **Editorial** 111
 112 **Editorial** 113
 114 **Editorial** 115
 116 **Editorial** 117
 118 **Editorial** 119
 120 **Editorial** 121
 122 **Editorial** 123
 124 **Editorial** 125
 126 **Editorial** 127
 128 **Editorial** 129
 130 **Editorial** 131
 132 **Editorial** 133
 134 **Editorial** 135
 136 **Editorial** 137
 138 **Editorial** 139
 140 **Editorial** 141
 142 **Editorial** 143
 144 **Editorial** 145
 146 **Editorial** 147
 148 **Editorial** 149
 150 **Editorial** 151
 152 **Editorial** 153
 154 **Editorial** 155
 156 **Editorial** 157
 158 **Editorial** 159
 160 **Editorial** 161
 162 **Editorial** 163
 164 **Editorial** 165
 166 **Editorial** 167
 168 **Editorial** 169
 170 **Editorial** 171
 172 **Editorial** 173
 174 **Editorial** 175
 176 **Editorial** 177
 178 **Editorial** 179
 180 **Editorial** 181
 182 **Editorial** 183
 184 **Editorial** 185
 186 **Editorial** 187
 188 **Editorial** 189
 190 **Editorial** 191
 192 **Editorial** 193
 194 **Editorial** 195
 196 **Editorial** 197
 198 **Editorial** 199
 200 **Editorial** 201
 202 **Editorial** 203
 204 **Editorial** 205
 206 **Editorial** 207
 208 **Editorial** 209
 210 **Editorial** 211
 212 **Editorial** 213
 214 **Editorial** 215
 216 **Editorial** 217
 218 **Editorial** 219
 220 **Editorial** 221
 222 **Editorial** 223
 224 **Editorial** 225
 226 **Editorial** 227
 228 **Editorial** 229
 230 **Editorial** 231
 232 **Editorial** 233
 234 **Editorial** 235
 236 **Editorial** 237
 238 **Editorial** 239
 240 **Editorial** 241
 242 **Editorial** 243
 244 **Editorial** 245
 246 **Editorial** 247
 248 **Editorial** 249
 250 **Editorial** 251
 252 **Editorial** 253
 254 **Editorial** 255
 256 **Editorial** 257
 258 **Editorial** 259
 260 **Editorial** 261
 262 **Editorial** 263
 264 **Editorial** 265
 266 **Editorial** 267
 268 **Editorial** 269
 270 **Editorial** 271
 272 **Editorial** 273
 274 **Editorial** 275
 276 **Editorial** 277
 278 **Editorial** 279
 280 **Editorial** 281
 282 **Editorial** 283
 284 **Editorial** 285
 286 **Editorial** 287
 288 **Editorial** 289
 290 **Editorial** 291
 292 **Editorial** 293
 294 **Editorial** 295
 296 **Editorial** 297
 298 **Editorial** 299
 300 **Editorial** 301
 302 **Editorial** 303
 304 **Editorial** 305
 306 **Editorial** 307
 308 **Editorial** 309
 310 **Editorial** 311
 312 **Editorial** 313
 314 **Editorial** 315
 316 **Editorial** 317
 318 **Editorial** 319
 320 **Editorial** 321
 322 **Editorial** 323
 324 **Editorial** 325
 326 **Editorial** 327
 328 **Editorial** 329
 330 **Editorial** 331
 332 **Editorial** 333
 334 **Editorial** 335
 336 **Editorial** 337
 338 **Editorial** 339
 340 **Editorial** 341
 342 **Editorial** 343
 344 **Editorial** 345
 346 **Editorial** 347
 348 **Editorial** 349
 350 **Editorial** 351
 352 **Editorial** 353
 354 **Editorial** 355
 356 **Editorial** 357
 358 **Editorial** 359
 360 **Editorial** 361
 362 **Editorial** 363
 364 **Editorial** 365
 366 **Editorial** 367
 368 **Editorial** 369
 370 **Editorial** 371
 372 **Editorial** 373
 374 **Editorial** 375
 376 **Editorial** 377
 378 **Editorial** 379
 380 **Editorial** 381
 382 **Editorial** 383
 384 **Editorial** 385
 386 **Editorial** 387
 388 **Editorial** 389
 390 **Editorial** 391
 392 **Editorial** 393
 394 **Editorial** 395
 396 **Editorial** 397
 398 **Editorial** 399
 400 **Editorial** 401
 402 **Editorial** 403
 404 **Editorial** 405
 406 **Editorial** 407
 408 **Editorial** 409
 410 **Editorial** 411
 412 **Editorial** 413
 414 **Editorial** 415
 416 **Editorial** 417
 418 **Editorial** 419
 420 **Editorial** 421
 422 **Editorial** 423
 424 **Editorial** 425
 426 **Editorial** 427
 428 **Editorial** 429
 430 **Editorial** 431
 432 **Editorial** 433
 434 **Editorial** 435
 436 **Editorial** 437
 438 **Editorial** 439
 440 **Editorial** 441
 442 **Editorial** 443
 444 **Editorial** 445
 446 **Editorial** 447
 448 **Editorial** 449
 450 **Editorial** 451
 452 **Editorial** 453
 454 **Editorial** 455
 456 **Editorial** 457
 458 **Editorial** 459
 460 **Editorial** 461
 462 **Editorial** 463
 464 **Editorial** 465
 466 **Editorial** 467
 468 **Editorial** 469
 470 **Editorial** 471
 472 **Editorial** 473
 474 **Editorial** 475
 476 **Editorial** 477
 478 **Editorial** 479
 480 **Editorial** 481
 482 **Editorial** 483
 484 **Editorial** 485
 486 **Editorial** 487
 488 **Editorial** 489
 490 **Editorial** 491
 492 **Editorial** 493
 494 **Editorial** 495
 496 **Editorial** 497
 498 **Editorial** 499
 500 **Editorial** 501
 502 **Editorial** 503
 504 **Editorial** 505
 506 **Editorial** 507
 508 **Editorial** 509

When doing the review of the report, the author notes that while the guidelines are not perfect, they are doing a much better job than the previous guidelines.

4. Mẫu nhân chai 100 viên :
- Nội dung và màu sắc : Như mẫu.
- Kích thước: 98 x45 mm

4. Mẫu nhân chai 100 viên :

- Kích thước: 98 x 45 mm

Nguyễn Thị Thanh Trúc

1 -Mẫu nhãn hộp 20 vỉ x 15 viên nén

- Nội dung và màu sắc như mẫu
- Kích thước hộp:

CÔNG THỨC:	4 mg
Chlorpheniramin maleat	
Tá dược:	vừa đủ 1 viên nén dài

CHỈ ĐỊNH:

Viêm mùa di ứng mùa và quanh năm.
Những triệu chứng dị ứng khác như: mề đay, viêm mũi
vấn mạch cơ histamine, viêm kết mạc dị ứng, viêm da tiếp
 xúc phụ mạch, dị ứng thức ăn

CHỖNG CHI ĐỊNH:

Quá mẫn với clorpheniramin maleat hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc

Người bệnh đang con hen cấp
Người bệnh có triệu chứng phi đại tuyến tiền liệt

Glucosin gốc hợp.

Tác cơ bản quang
Lời đã đầy, tác môn vị - tá trảng

Nguyen cho con bu, tre so sinh va tre de thieu nang

Người dân dùng nước uống từ chloramine oxide trong vòng 14 ngày.

ĐOÀN THẠNH



Sản xuất tại
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DÔNG NAM
2218 Phạm Văn Thuận P. Tân Phú
TP. Biên Hòa - Đồng Nai Việt Nam
ĐT: 061-3534107 FAX: 061-39821668

Hộp 20 vỉ x 15 viên nén

Clorpheniramin

Clorpheniramin maleat

4mg

Thuốc kháng Histamine

Giảm triệu chứng viêm mũi, viêm kết mạc, nổi mề đay

Hộp 20 vỉ x 15 viên nén

Clorpheniramin maleat

4mg

Clorpheniramin

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG: Dùng đường uống.
Viêm mũi dị ứng theo mùa.

Người lớn bắt đầu uống 4mg lúc đi ngủ, sau tăng từ từ trong 10 ngày đến 24mg/ngày, nếu dùng nạp được chia làm 2 lần, cho đến cuối mùa.

Trẻ em (2 - 6 tuổi), uống 1mg, 4 - 6 giờ một lần, dùng đến 5 ngày.

5 - 12 tuổi: Ban đầu uống 2mg lúc đi ngủ, sau tăng dần dần trong 10 ngày đến 12 mg/ngày, nếu dùng nạp được

chia 1 - 2 lần, dùng cho đến hết mĩa.
Người cao tuổi: Dùng 4 mg, chia 2 lần/ngày.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Điều kiện dao quân: nơi khô mát, tránh ánh sáng
ở nhiệt độ < 30°C.

DE ZA

ĐỘI MỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG
CÁC THÔNG TIN KHÁC KÈM TỚI HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KÈM THEO

THUỐC DÙNG CHO BỆNH VIỆN

SEITE / When no
567 19 SE / When no

May 1996 / Vol. 23, No. 5

 MO / Exp. Date |

Hộp 20 vỉ x 15 viên nén



Clorpheniramin

Clorpheniramin maleat

4mg

Thuốc kháng Histamine

Giảm triệu chứng viêm mũi, viêm kết mạc, nổi mề đay

KT. GIÁM ĐỐC
P. Giám đốc

P. Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Trúc

- Nội dung và màu sắc như mẫu
- Kích thước hộp:

CÔNG THỨC: Clorpheniramin maleat 4 mg
Tá được: viên đủ 1 viên nén dài

Viêm mũi dị ứng mùa và quanh năm

Những triệu chứng dị ứng khác như : mẩn ngứa, viêm mũi, viêm mắt, viêm họng, viêm kết mạc dị ứng, viêm da tiếp xúc dị ứng, dị ứng thức ăn.

CHÔNG CHỈ ĐỊNH:

Chất màu với cleftphenanthrene maleate hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

Người bệnh có triệu chứng phi đại tuyến tiền liệt

Giocom góc hẹp
Tắc cổ bàng quang

Loet dụ đây, tác môn vi - là trạng
Người cho con bú, trẻ sơ sinh và t

Người bệnh dùng thuốc ức chế monoamine oxidase trong vòng 14 ngày.

 **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**
Số 18 Phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
ĐT: 043.582.3102 FAX: 04.382.1608

Hộp 50 vỉ x 15 viên nén

Clorpheniramin

Clorpheniramin maleat

4mg

Hộp 50 vỉ x 15 viên nén

Hộp 50 vỉ x 15 viên nén

Clorpheniramin

4mg

Thuốc kháng Histamin
Giảm triệu chứng viêm mũi, viêm kết mạc

Giảm triệu chứng viêm mũi, viêm kết mạc, nổi mẩn ngứa

Viem mui di ung theo mui

Người nào bắt đầu uống 4mg lúc đi ngủ, sau tăng từ 2mg đến 10mg đến 24mg/ ngày, nếu đang nạp được chưa hơn 2 lần sau đến cuối mùa hè (2 - 6 buổi), uống 1mg, 4 - 6 giờ một lần, dùng đến 6mg/ ngày.

5 - 12 tuổi: Bắt đầu uống 2mg lúc đi ngủ, sau tăng dần dần trong 10 ngày đến 12mg/ ngày, nếu đang nạp được chưa 1 - 2 lần, uống cho đến hết mùa hè.

Người cao tuổi: Dùng 4 mg, chia 2 lần/ ngày.

Người cao tuổi Dùng 4 mg, chia 2 lần/ngày

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Điều kiện Dao quản: Nơi khô mát, tránh ánh sáng
độ nhiệt độ < 30°C

ĐỀ MÀ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

THUỐC DÙNG CHO BỆNH VIỆN

 Ref to SW / Patch no. |

Hộp 50 vỉ x 15 viên nén

Clorpheniramin

4mg

Thuốc kháng Histamin

Giảm triệu chứng viêm mũi, viêm kết mạc, nổi mề đay

KT. GIÁM ĐỐC
P. Giám đốc

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐÔNG NAI

Nguyễn Thị Thanh Trúc

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc để in

- Nội dung và màu sắc như mẫu
- Kích thước: 118 x 70mm
- In 2 mặt

GMP-WHO

Clorpheniramin 4mg

CÔNG THỨC:

Clorpheniramin maleat.....4 mg.

Tá dược: Lactose, tinh bột sắn, gelatin, aspartam, magnesi stearat, vàng Quinolein, xanh patente, hương dầu vừa đủ 1 viên nén dài.

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén dài.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 50 vỉ x 15 viên, Hộp 20 vỉ x 15 viên, Chai 100, 200, 500 viên

DƯỢC LỰC HỌC:

Clorpheniramin maleat là một kháng histamin có tác dụng an thần. Như hầu hết các kháng histamin khác, clorpheniramin cũng có tác dụng phụ chống tiết acetylcholin, nhưng tác dụng này khác nhau nhiều giữa các cá thể.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Clorpheniramin maleat hấp thu tốt khi uống và xuất hiện trong huyết tương trong vòng 30 – 60 phút. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong khoảng 2,5 – 6 giờ sau khi uống. Clorpheniramin maleat chuyển hóa nhanh và nhiều. Thuốc được bài tiết chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc chuyển hóa, sự bài tiết phụ thuộc vào pH và lưu lượng nước tiểu. Thời gian bán thải là 12-15 giờ và ở người suy thận mãn, kéo dài 280 – 330 giờ.

CHỈ ĐỊNH:

Viêm mũi dị ứng mùa và quanh năm.

Những triệu chứng dị ứng khác như: mày đay, viêm mũi vụn mạch do histamin, viêm kết mạc dị ứng, viêm da tiếp xúc phù mạch, dị ứng thức ăn.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với clorpheniramin maleat hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

Người bệnh đang cơn hen cấp.

Người bệnh có triệu chứng phì đại tuyến tiền liệt

Glocom góc hẹp.

Tắc cổ bàng quang.

Loét dạ dày, tắc môn vị - tá tràng.

Người cho con bú, trẻ sơ sinh và trẻ đẻ thiếu tháng.

Người bệnh dùng thuốc ức chế monoamine oxidase trong vòng 14 ngày.

THẬN TRỌNG:

Clorpheniramin có thể làm tăng nguy cơ bí tiểu tiện do tác dụng phụ chống tiết acetylcholin của thuốc, đặc biệt ở người phì đại tuyến tiền liệt, tắc đường niệu, tắc môn vị tá tràng và làm trầm trọng thêm ở người bệnh nhược cơ.

Tác dụng an thần của clorpheniramin tăng lên khi uống rượu và khi dùng đồng thời với các thuốc an thần khác.

Có nguy cơ gây biến chứng đường hô hấp, suy giảm hô hấp và ngừng thở ở người có bệnh phổi mạn tính, thở ngắn hoặc khó thở.

Có nguy cơ bị sâu răng khi điều trị thời gian dài do tác dụng chống tiết acetylcholin, gây khô miệng.

Thuốc có thể gây ngủ gà, chóng mặt, hoa mắt, nhìn mờ và suy giảm tâm thần vận động. Do đó cần tránh dùng cho người đang lái xe hoặc điều khiển máy móc.

Tránh dùng cho người bệnh bị tăng nhãn áp như bị glocom.

Dùng thuốc thận trọng với người cao tuổi (trên 60 tuổi) vì những người này thường tăng nhạy cảm với tác dụng chống tiết acetylcholin.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Các thuốc ức chế monoamine oxydase làm kéo dài và tăng tác dụng chống tiết acetylcholin của thuốc kháng histamin.

Ethanol hoặc các thuốc an thần gây ngủ có thể tăng tác dụng ức chế thần kinh trung ương của clorpheniramin.

Clorpheniramin ức chế chuyển hóa phenytoin và có thể dẫn đến ngộ độc phenytoin.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Thường gặp: an thần (từ ngủ gà nhẹ đến ngủ sâu); khô miệng; chóng mặt; buồn nôn và gây kích thích xảy ra khi điều trị ngắt quãng. Tuy nhiên, hầu hết người bệnh chịu đựng được các phản ứng phụ khi điều trị liên tục, đặc biệt nếu tăng liều từ từ.

Tác dụng phụ chống tiết acetylcholin trên TKTW và ở người nhạy cảm (người bị bệnh glocom, phì đại tuyến tiền liệt và những tình trạng dễ nhạy cảm khác) có thể nghiêm trọng.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG: Dùng đường uống.

Viêm mũi dị ứng theo mùa:

Người lớn: bắt đầu uống 4mg lúc đi ngủ, sau tăng từ từ trong 10 ngày đến 24mg/ngày, nếu dung nạp được chia làm 2 lần, cho đến cuối mùa.

Trẻ em (2 – 6 tuổi): uống 1mg, 4 – 6 giờ một lần, dùng đến 6mg/ngày

6 – 12 tuổi: Ban đầu uống 2 mg lúc đi ngủ, sau tăng dần dần trong 10 ngày đến 12 mg/ngày, nếu dung nạp được, chia 1 – 2 lần, dùng cho đến hết mùa.

Người cao tuổi: Dùng 4 mg, chia 2 lần/ngày.

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ:

Liều gây chết của clorpheniramin maleat khoảng 25 – 50 mg/kg thể trọng. Những triệu chứng và dấu hiệu quá liều bao gồm an thần, kích thích nghịch thường hệ TKTW, loạn tâm thần, cơn động kinh, ngừng thở, co giật, tác dụng chống tiết acetylcholine, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch loạn nhịp.

Xử trí bằng cách rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng siro ipecacuanha. Sau đó dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Chỉ nên dùng cho người mang thai khi thật cần thiết. Dùng thuốc trong 3 tháng cuối thai kỳ có thể dẫn đến những phản ứng nghiêm trọng ở trẻ sơ sinh. Clorpheniramin maleat có thể được tiết qua sữa mẹ và ức chế tiết sữa. Vì các thuốc kháng histamin có thể gây phản ứng nghiêm trọng với trẻ bú mẹ, nên cần cân nhắc hoặc không cho con bú hoặc không dùng thuốc, tùy thuộc mức độ cần thiết của thuốc đối với người mẹ.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc có thể gây ngủ gà, chóng mặt, hoa mắt, nhìn mờ và suy giảm tâm thần vận động trong một số người bệnh nên cần tránh dùng cho người lái xe hoặc vận hành máy móc.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Thông báo với bác sĩ những tác dụng không muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Điều kiện bảo quản: Nơi khô mát, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

Tiêu chuẩn: ĐVN IV

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI

221B - Phạm Văn Thuận - P. Tân Tiến - TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

ĐT: 061.3822592

Fax: 061. 3821608

E-mail: donai_pharm@yahoo.com.vn

VB



PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Việt Hưng

VB



KT. GIÁM ĐỐC
P: Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Trúc

